

BIỂU PHÍ THẺ ĐA NĂNG QUỐC TẾ TPBANK VISA FLASH 2IN1

(Có hiệu lực kể từ ngày **11 tháng 09 năm 2025**)

STT	Loại phí	Mức phí		Mức phí tối thiểu
1	Phí phát hành thẻ	Thẻ Chính – chức năng thẻ ghi nợ	69.000 VND	
		Thẻ Chính – chức năng thẻ tín dụng	Miễn phí	
2	Phí thay thế thẻ (cong, gãy, thất lạc, gia hạn)	99.000 VND		
3	Phí dịch vụ chuyển phát nhanh đến địa chỉ KH (TPBank thu hộ ĐV chuyển phát)	22.000 VND		
4	Phí thường niên	Thẻ Chính	99.000 VND	
5	Phí cấp lại PIN/ ePIN			
	• Yêu cầu qua TPBank eBank	Miễn phí		
	• Yêu cầu qua kênh khác	33.000 VND		
6	Phí tra soát (chỉ thu khi KH khiếu nại sai)	220.000 VND		
7	Phí rút tiền mặt			
	• Đối với chức năng thẻ ghi nợ			
	- Tại ATM/LiveBank TPBank	Miễn phí		
	- Tại ATM Ngân hàng khác ở Việt Nam	3.300 VND		
	- Tại ATM Ngân hàng khác ngoài Việt Nam	4.4% giá trị giao dịch		110.000 VND
	• Đối với chức năng thẻ tín dụng	4.4% giá trị giao dịch		110.000 VND

STT	Loại phí	Mức phí	Mức phí tối thiểu
8	Phí in sao kê tài khoản tại ATM	11.000 VND	
9	Phí vẫn tin tài khoản tại ATM		
	<i>Tại ATM TPBank</i>	Miễn phí	
	<i>Tại ATM Ngân hàng khác</i>	11.000 VND	
10	Phí giao dịch khác tại ATM	Miễn phí	
11	Phí chuyển đổi giao dịch ngoại tệ (tính theo tỷ giá của tổ chức Visa tại thời điểm giao dịch)	3.3%*giá trị giao dịch	
12	Phí quản lý giao dịch VND tại các ĐVCNT nước ngoài	1.1%*giá trị giao dịch	11.000 VND
13	Phí xử lý các giao dịch quốc tế đặc biệt	5.500 VND/ giao dịch	
14	Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch	88.000 VND	
15	Phí cấp bản sao sao kê theo yêu cầu	55.000 VND	
16	Phí tắt toán thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	55.000 VND	
17	Phí chậm thanh toán (áp dụng đối với chức năng thẻ tín dụng)	4.4% số tiền chậm thanh toán	110.000 VND
18	Phí gửi sao kê hàng tháng qua email	Miễn phí	
19	Phí thay đổi hạn mức thẻ tín dụng	110.000 VND	
20	Phí tăng hạn mức tín dụng thẻ tạm thời	110.000VND	

STT	Loại phí	Mức phí	Mức phí tối thiểu
21	Phí chuyển đổi loại thẻ hoặc hạng thẻ	330.000 VND	
22	Phí chuyển đổi giao dịch trả góp	1.99% giá trị giao dịch trả góp áp dụng kỳ hạn 3 tháng 3.99% giá trị giao dịch trả góp áp dụng kỳ hạn 6 tháng 4.99% giá trị giao dịch trả góp áp dụng kỳ hạn 9 tháng 6.99% giá trị giao dịch trả góp áp dụng kỳ hạn 12 tháng	55.000 VNĐ
23	Phí hủy bỏ giao dịch trả góp	2% giá trị giao dịch trả góp còn lại	110.000 VND
24	Phí sử dụng vượt hạn mức tín dụng *	110.000 VND	
25	Phí rút tiền thừa từ thẻ tín dụng	3.59% giá trị giao dịch	110.000 VND
26	Phạt vi phạm quy định giao dịch thẻ	3%*Tổng các giao dịch vi phạm phát sinh trong kỳ	100.000 VND

Ghi chú:

- (*) Hạn mức tín dụng có thể bị vượt trong trường hợp phát sinh các khoản thu lãi, thu phí...
- Các khoản phí nêu trên đã bao gồm thuế GTGT (nếu có). Ngân hàng sẽ áp dụng thực hiện tính thuế GTGT theo các quy định tại Luật thuế GTGT số 48/2004/QH15, Nghị định 181/2005/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi và bổ sung, thay thế (nếu có), các văn bản quy định có liên quan.